VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 208/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH
Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ,

phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15, bao gồm:

a) Khoản 6 Điều 29 về việc đánh giá các yếu tố tác động đến di sản thế giới; trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh cho ý kiến;

b) Khoản 5 Điều 30 về quy trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ, thực hiện hoạt động nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới;

c) Khoản 5 Điều 34 về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

d) Khoản 4 Điều 35 về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị xác nhận di tích xuống cấp để lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; công khai nội dung bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã được phê duyệt tại địa phương nơi có di tích; trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

đ) Khoản 5 Điều 37 về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

e) Khoản 2 Điều 70 về trình tự, thủ tục, hồ sơ xin ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

2. Đối tượng áp dụng: Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài khi tiến hành các hoạt động lập, thẩm định, phê

duyệt quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ; quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là dự án tu bổ di tích) là tập hợp đề xuất biện pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi các yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích và các yếu tố khác có liên quan nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Ở giai đoạn chuẩn bị dự án tu bổ di tích, thì dự án được thể hiện thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

2. Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích là thiết kế triển khai sau khi Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích được phê duyệt.

3. Tiêu chuẩn bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là chuẩn mực kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, trình tự thực hiện chỉ tiêu, chỉ số kỹ thuật, chỉ số tự nhiên được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận để áp dụng trong hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

4. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh) đối với nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đề xuất, làm cơ sở cho chủ đầu tư xem xét, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện trước khi quyết định phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

5. Thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích là việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan tham

mưu quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với nội dung Thiết kế bản vẽ thi công đề xuất, làm cơ sở cho chủ đầu tư xem xét, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện trước khi quyết định phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

6. Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có quy mô lớn, phức tạp là dự án có nội dung tác động đến ý nghĩa, giá trị các sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử quan trọng của đất nước hoặc phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi có tỷ lệ tác động đến các yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích lớn hơn 30% đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt và lớn hơn 70% đối với di tích quốc gia.

7. Chủ đầu tư của quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, của dự án tu bổ di tích là cơ quan, tổ chức được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích thành lập, giao thực hiện quy hoạch di tích, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ, quy hoạch di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch, đầu tư, đầu tư công, xây dựng, đất đai, biển Việt Nam, bảo vệ môi trường, di sản văn hóa, các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Phù hợp với mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và quy hoạch phát triển các ngành trong phạm vi khu vực quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hài hòa về cảnh quan và kiến trúc khu vực.

3. Bảo đảm giữ gìn tối đa yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích; tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích, bảo đảm hoạt động đầu tư, xây dựng và phát triển du lịch phải ưu tiên bảo vệ di tích vì di tích là tài nguyên vô giá không thể tái tạo và không thể thay thế.

4. Di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Di sản văn hóa, đồng thời có khu vực bảo vệ là một phần hoặc toàn bộ diện tích của khu du lịch quốc gia, rừng đặc dụng thì chỉ lập 01 quy hoạch di tích.

5. Quy hoạch khảo cổ, quy hoạch di tích phải được lập, phê duyệt với thời kỳ quy hoạch là 10 năm, tầm nhìn từ 20 năm đến 30 năm. Định kỳ 05 năm quy hoạch khảo cổ, quy hoạch di tích phải được rà soát.

6. Tổ chức, cá nhân tham gia lập nhiệm vụ lập quy hoạch di tích, lập quy hoạch di tích, lập điều chỉnh quy hoạch di tích, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, lập Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và lập Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích phải có đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và xây dựng.

7. Tuân thủ tiêu chuẩn bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và phù hợp với các quy hoạch đã được phê duyệt.

Chương II
QUY HOẠCH KHẢO CỔ

Điều 4. Thẩm quyền lập quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ

1. Thẩm quyền lập quy hoạch khảo cổ:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Di sản văn hóa giao người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch khảo cổ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định;

b) Người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản này chịu trách nhiệm lập, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch lập quy hoạch khảo cổ; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch khảo cổ sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Thẩm quyền lập điều chỉnh quy hoạch khảo cổ:

a) Người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh chịu trách nhiệm lập điều chỉnh quy hoạch khảo cổ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp

tỉnh xem xét phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản này chịu trách nhiệm lập kế hoạch lập điều chỉnh quy hoạch khảo cổ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Điều 5. Trình tự trong hoạt động quy hoạch khảo cổ

1. Lập quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

2. Lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, của tổ chức, cá nhân có liên quan về quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

3. Tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, của tổ chức, cá nhân có liên quan và hoàn thiện quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

4. Thẩm định và tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; trình phê duyệt, phê duyệt quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

5. Công bố quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ và tổ chức thực hiện quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ đã được phê duyệt.

Điều 6. Quy hoạch khảo cổ

1. Báo cáo thuyết minh quy hoạch khảo cổ gồm:

a) Sự cần thiết lập quy hoạch khảo cổ;

b) Căn cứ lập quy hoạch khảo cổ bao gồm: văn bản pháp luật có liên quan đến quy hoạch; báo cáo kết quả thăm dò, khai quật khảo cổ; ý kiến tổ chức, cá nhân có liên quan, ý kiến của cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực lập quy hoạch khảo cổ;

c) Vị trí và tên gọi địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ;

d) Tổng hợp, đánh giá thông tin khoa học về các di tích, di vật được phát hiện tại địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ và căn cứ khoa học về dấu hiệu của sự tồn tại di tích, di vật tại địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ;

đ) Phạm vi ranh giới, diện tích địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ;

e) Kế hoạch, nguồn lực nghiên cứu, thăm dò, khai quật địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ;

g) Phương án bảo vệ và phát huy giá trị địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ và giải pháp tổ chức thực hiện;

h) Đề xuất nguồn lực thực hiện quy hoạch.

2. Bản đồ số và bản đồ in gồm:

a) Bản đồ, sơ đồ địa điểm, khu vực khảo cổ đã được cấp phép thăm dò, khai quật (nếu có);

b) Bản đồ phạm vi, ranh giới từng địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ tỷ lệ 1:500 - 1:2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp.

Điều 7. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ

1. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định quy hoạch khảo cổ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo thuyết minh theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này;

c) Bản đồ số và bản đồ in theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này;

d) Bộ ảnh màu cỡ 10 x 15 cm, chụp hiện trạng tổng thể từng địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ;

đ) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về quy hoạch khảo cổ;

e) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về quy hoạch khảo cổ.

2. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) Tờ trình phê duyệt quy hoạch khảo cổ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Hồ sơ theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này;

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch khảo cổ bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại các điểm c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 6 Nghị định này.

Điều 8. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ

1. Trình tự, thủ tục thẩm định quy hoạch khảo cổ:

a) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định quy hoạch khảo cổ.

Trường hợp chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xem xét, thẩm định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ quy hoạch khảo cổ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lại hồ sơ;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, lấy ý kiến bộ, ngành liên quan và có văn bản thẩm định quy hoạch khảo cổ.

2. Trình tự, thủ tục phê duyệt quy hoạch khảo cổ:

a) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ quy hoạch khảo cổ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để phê duyệt quy hoạch khảo cổ;

b) Trường hợp chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định phê duyệt quy hoạch khảo cổ.

Điều 9. Điều chỉnh quy hoạch khảo cổ

1. Quy hoạch khảo cổ được điều chỉnh khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Có sự thay đổi về địa giới hành chính hoặc điều kiện địa lý, tự nhiên;

b) Có phát hiện mới về khảo cổ học;

c) Có sự biến động về điều kiện khí hậu, địa chất, thủy văn hoặc tác động của thiên tai hoặc yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh làm ảnh hưởng trực tiếp đến phương án bảo vệ và phát huy giá trị các địa điểm, khu vực khảo cổ;

d) Các căn cứ điều chỉnh quy hoạch khác theo quy định của Luật Quy hoạch ảnh hưởng trực tiếp đến yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị các địa điểm, khu vực khảo cổ.

2. Nội dung điều chỉnh quy hoạch khảo cổ gồm:

a) Sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

b) Căn cứ lập điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

c) Tổng hợp, đánh giá thông tin khoa học về các di tích, di vật được phát hiện mới tại địa điểm, khu vực khảo cổ hoặc căn cứ khoa học phát sinh, phát hiện mới về dấu hiệu của sự tồn tại di tích, di vật tại địa điểm, khu vực khảo cổ;

d) Đề xuất phương án điều chỉnh bảo vệ và phát huy giá trị địa điểm, khu vực khảo cổ;

đ) Đề xuất điều chỉnh kế hoạch, phương án, nguồn lực nghiên cứu, thăm dò, khai quật địa điểm, khu vực khảo cổ;

e) Xác định nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

3. Hồ sơ trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ gồm:

a) Tờ trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo thuyết minh tổng hợp các nội dung điều chỉnh quy hoạch khảo cổ quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Bản đồ số và bản đồ in gồm: bản đồ hiện trạng phát hiện mới các địa điểm, khu vực phát hiện dấu hiệu của sự tồn tại di tích, di vật khảo cổ; bản đồ xác định phạm vi, ranh giới từng địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ được phát hiện mới hoặc điều chỉnh. Tỷ lệ bản đồ từ 1:2.000 - 1:500 hoặc tỷ lệ phù hợp;

d) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

đ) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

e) Dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 10. Trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ

1. Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

Trường hợp chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này, hồ sơ lấy ý kiến được thực hiện như quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này.

Điều 11. Công bố quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm công bố quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ theo quy định của Luật Quy hoạch.

2. Nội dung công bố quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ được quy định tại khoản 4 Điều này, trừ những nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước.

3. Hình thức công bố quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ:

Quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ phải được thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch và thực hiện một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức hội nghị công bố quy hoạch có sự tham gia của đại diện tổ chức, cơ quan có liên quan, đại diện Nhân dân trong khu vực lập quy hoạch;

b) Niêm yết Quyết định phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ và bản đồ quy hoạch khảo cổ tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước các cấp có liên quan về quy hoạch khảo cổ và thông tin về quy hoạch khảo cổ tại khu vực được lập quy hoạch.

4. Nội dung công bố quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ:

a) Quyết định phê duyệt quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

b) Bản đồ xác định phạm vi, ranh giới từng địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ hoặc điều chỉnh quy hoạch khảo cổ tỷ lệ từ 1:500 - 1:2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp;

c) Phương án bảo vệ và phát huy giá trị địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

d) Thời gian thực hiện quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

Điều 12. Quản lý quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ

1. Sau khi quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ đã được phê duyệt trên địa bàn.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

3. Việc lưu trữ hồ sơ quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, pháp luật về quy hoạch (bao gồm cả các định dạng hồ sơ tài liệu điện tử).

4. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu điện tử của hồ sơ quy hoạch khảo cổ sau khi được phê duyệt được xây dựng, quản lý và chia sẻ thống nhất trên cả nước, phục vụ cho hoạt động quy hoạch khảo cổ; phải được cập nhật thường xuyên; bảo đảm phục vụ công tác quản lý; đáp ứng yêu cầu về công khai, minh bạch, quyền tiếp cận thông tin của các cơ quan, tổ chức và người dân.

Chương III
QUY HOẠCH, DỰ ÁN BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH

Mục 1
QUY HOẠCH BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH

Điều 13. Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch, quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Thẩm quyền lập nhiệm vụ lập quy hoạch, quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có di tích hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là quy hoạch di tích);

b) Trường hợp di tích thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương, phân bố trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên, căn cứ vào việc phân bố di tích có giá trị quan trọng, tiêu biểu, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thống nhất quyết định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương chủ trì chịu trách nhiệm lập nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích sau khi có ý kiến đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương có di tích.

2. Thẩm quyền thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, quy hoạch di tích:

a) Đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích;

b) Đối với cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với bộ, ngành liên quan thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích.

3. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch, quy hoạch di tích:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; thỏa thuận nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích tại địa phương;

c) Trường hợp di tích phân bố trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương chủ trì phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và ý kiến thỏa thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích;

d) Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và ý kiến thỏa thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có di tích.

4. Hồ sơ quy hoạch di tích sau khi phê duyệt phải được cơ quan thẩm định quy hoạch kiểm tra, đóng dấu xác nhận trước khi công bố theo quy định.

Điều 14. Trình tự trong hoạt động quy hoạch di tích

1. Lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.

2. Lập quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích.

3. Lấy ý kiến bằng văn bản và tổ chức tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Thẩm định và tổ chức tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; hoàn thiện, trình phê duyệt, phê duyệt quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích.

5. Công bố quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích và tổ chức thực hiện quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích đã được phê duyệt.

6. Cắm mốc giới theo quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích được phê duyệt.

Điều 15. Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích

1. Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch di tích bao gồm các nội dung sau đây:

a) Căn cứ lập nhiệm vụ lập quy hoạch;

b) Xác định yêu cầu nghiên cứu, khảo sát di tích; nghiên cứu, đánh giá yếu tố kinh tế - xã hội và môi trường tự nhiên liên quan đến nội dung quy hoạch; rà soát sơ bộ các quy hoạch đã và đang thực hiện có liên quan đến khu vực dự kiến lập quy hoạch di tích;

c) Xác định đặc trưng và giá trị tiêu biểu của di tích; tính chất và chức năng của khu vực quy hoạch di tích;

d) Phạm vi nghiên cứu quy hoạch, phạm vi quy hoạch;

đ) Nội dung, yêu cầu về định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích; định hướng tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan và xây dựng công trình mới;

e) Xác định kế hoạch thực hiện quy hoạch;

g) Các nội dung yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Bản đồ số và bản đồ in:

a) Bản đồ vị trí di tích tỷ lệ 1:15.000 hoặc tỷ lệ phù hợp;

b) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ hiện trạng công trình đã xây dựng tỷ lệ 1:500 - 1:2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp;

c) Bản đồ xác định các khu vực bảo vệ di tích tỷ lệ 1:500 - 1:2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp;

d) Bản đồ xác định phạm vi nghiên cứu quy hoạch, phạm vi quy hoạch tỷ lệ phù hợp;

đ) Các bản đồ có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Điều 16. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích

1. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch di tích theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này;

c) Báo cáo khảo sát sơ bộ khu vực dự kiến lập quy hoạch;

d) Bản đồ số và bản đồ in theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này;

đ) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan;

e) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Hồ sơ theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này;

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Văn bản thỏa thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích (trường hợp di tích phân bố trên địa bàn 02 tỉnh trở lên);

đ) Văn bản thỏa thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có di tích (trường hợp Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch);

e) Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

Điều 17. Quy hoạch di tích

1. Báo cáo thuyết minh quy hoạch di tích bao gồm các nội dung sau đây:

a) Căn cứ lập quy hoạch di tích bao gồm: những nội dung có liên quan được nêu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương có di tích đã được phê duyệt; chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực trong cùng giai đoạn phát triển; quy hoạch thời kỳ trước; nhiệm vụ lập quy hoạch di tích đã được phê duyệt;

b) Phân tích, đánh giá hiện trạng di tích và đất đai thuộc di tích bao gồm: kết quả khảo sát, nghiên cứu về đặc điểm, giá trị di tích; tình trạng kỹ thuật, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; phân tích, đánh giá các yếu tố của môi trường tự nhiên và xã hội tác động tới di tích; hiện trạng về sử dụng đất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật của khu vực quy hoạch; xác định đặc trưng và giá trị tiêu biểu của di tích, mối liên hệ di tích được quy hoạch với các di tích khác trong khu vực nghiên cứu;

c) Quan điểm, mục tiêu dài hạn và mục tiêu ngắn hạn;

d) Xác định ranh giới khu vực bảo vệ di tích, kiến nghị về việc điều chỉnh mở rộng hoặc thu hẹp ranh giới khu vực bảo vệ di tích; xác định khu vực cảnh quan văn hóa của di tích, khu vực hạn chế xây dựng, khu vực xây dựng mới; đề xuất việc xếp hạng bổ sung công trình, địa điểm mới phát hiện;

đ) Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích: phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của toàn khu vực quy hoạch; danh mục công trình cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo quản, tu bổ, phục hồi đối với từng công trình; nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

e) Định hướng phát huy giá trị di tích;

g) Định hướng tổ chức không gian, độ cao, mật độ xây dựng, hình thức kiến trúc, vật liệu của công trình xây dựng mới; định hướng cải tạo, xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu vực quy hoạch di tích và các định hướng khác có liên quan;

h) Dự báo tác động môi trường và đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong phạm vi quy hoạch di tích;

i) Đề xuất nhóm dự án thành phần, phân kỳ đầu tư, thứ tự ưu tiên và nguồn vốn đầu tư cho dự án thành phần đó;

k) Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch di tích;

l) Các nội dung yêu cầu khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Bản đồ số và bản đồ in:

a) Bản đồ vị trí di tích và mối liên hệ với di tích khác trong khu vực nghiên cứu quy hoạch tỷ lệ 1:5.000 - 1:15.000 hoặc tỷ lệ phù hợp;

b) Bản đồ hiện trạng về sử dụng đất, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật và bản đồ quy hoạch xây dựng khu vực đã được phê duyệt tỷ lệ 1:500 - 1:2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp;

c) Bản đồ xác định khu vực bảo vệ và cắm mốc giới di tích; khu vực cần giải tỏa vi phạm di tích tỷ lệ 1:500 - 1:2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp;

d) Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng; phương án quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và phát huy giá trị di tích tỷ lệ 1:500 - 1:2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp;

đ) Bản đồ định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan, xây dựng công trình mới và hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1:500 - 1:2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp;

e) Các bản đồ cần thiết khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Điều 18. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch di tích

1. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định quy hoạch di tích theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo thuyết minh theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này;

c) Bản đồ số và bản đồ in theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này;

d) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan;

đ) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch di tích theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Hồ sơ theo quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều này;

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Văn bản thỏa thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích (trường hợp di tích phân bố trên địa bàn 02 tỉnh trở lên);

đ) Văn bản thỏa thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có di tích (trường hợp Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích phê duyệt quy hoạch);

e) Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch di tích bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

Điều 19. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích

1. Trình tự, thủ tục thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích:

a) Đối với nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích là di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 16 hoặc khoản 1 Điều 18 Nghị định này tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ nhiệm vụ lập quy hoạch, quy hoạch di tích, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lại hồ sơ.

c) Trong thời hạn 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm lấy ý kiến của các bộ, ngành, các nhà khoa học có liên quan và tổ chức Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 90 Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

Trong thời hạn 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, quy hoạch di tích.

2. Trình tự, thủ tục phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích:

a) Đối với nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích là di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 hoặc khoản 2 Điều 18 Nghị định này tới Thủ tướng Chính phủ để phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích;

b) Đối với nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích là cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý:

Chủ đầu tư lập nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích theo quy định tại khoản 2 Điều 16 hoặc khoản 2 Điều 18 Nghị định này tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích để phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ nhiệm vụ lập quy hoạch, quy hoạch di tích, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích có văn bản trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích có trách nhiệm phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích.

3. Đối với nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích phân bố trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích thực hiện như quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 20. Điều chỉnh quy hoạch di tích

1. Quy hoạch di tích được điều chỉnh khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Có sự điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch ngành quốc gia ảnh hưởng trực tiếp tới di tích;

b) Có sự thay đổi về địa giới hành chính hoặc có sự biến động về điều kiện khí hậu, địa chất, thủy văn;

c) Có phát hiện mới về di tích trong khu vực quy hoạch;

d) Các căn cứ điều chỉnh quy hoạch khác theo quy định của Luật Quy hoạch ảnh hưởng trực tiếp tới di tích.

2. Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch di tích gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh quy hoạch di tích theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này;

c) Bản đồ số và bản đồ in theo quy định tại điểm b, c và d khoản 2 Điều 17 Nghị định này; phương án điều chỉnh quy hoạch tỷ lệ 1:500 - 1:2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp;

d) Dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch bao gồm các nội dung quy định tại các điểm a, c, d, đ, g, i và l khoản 1 Điều 17 Nghị định này;

đ) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan;

e) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan.

g) Các văn bản pháp lý và tài liệu liên quan.

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch di tích thực hiện như quy định tại Điều 19 Nghị định này.

4. Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch di tích sau khi phê duyệt phải được cơ quan thẩm định quy hoạch kiểm tra, đóng dấu xác nhận trước khi công bố, công khai theo quy định.

Điều 21. Công bố và quản lý quy hoạch di tích

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích phải công bố công khai quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích theo quy định của Luật Quy hoạch.

Nội dung công bố công khai bao gồm quyết định phê duyệt quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích và nội dung cơ bản của quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích trừ những nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước.

2. Hình thức công bố quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích:

Quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích phải được thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch di tích, cơ quan lập quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích và thực hiện một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức hội nghị công bố quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích có sự tham gia của đại diện tổ chức, cơ quan có liên quan, đại diện Nhân dân trong khu vực lập quy hoạch;

b) Niêm yết Quyết định phê duyệt và nội dung quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước các cấp có liên quan về quy hoạch và thông tin về quy hoạch tại khu vực được lập quy hoạch.

3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích.

4. Việc lưu trữ hồ sơ quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, pháp luật về quy hoạch (bao gồm cả các định dạng hồ sơ tài liệu điện tử).

5. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu điện tử của hồ sơ quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích sau khi được phê duyệt được xây dựng, quản lý và chia sẻ thống nhất trên cả nước, phục vụ cho hoạt động quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích; phải được cập nhật thường xuyên; bảo đảm phục vụ công tác quản lý; đáp ứng yêu cầu về công khai, minh bạch, quyền tiếp cận thông tin của cơ quan, tổ chức và người dân.

Mục 2
BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH, BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI BẢO QUẢN DI TÍCH, BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH, BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT TU SỬA CẤP THIẾT DI TÍCH

Điều 22. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị xác nhận di tích xuống cấp để lập dự án tu bổ di tích

1. Hồ sơ đề nghị xác định di tích xuống cấp để lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích gồm:

a) Văn bản đề nghị xác nhận di tích xuống cấp để lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của chủ đầu tư dự án tu bổ di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích kèm theo ý kiến bằng văn bản của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao trực tiếp quản lý, sử dụng di tích;

b) Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15 cm, chụp hiện trạng di tích xuống cấp;

c) Mô tả hiện trạng xuống cấp của di tích; thuyết minh sự cần thiết lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và nguồn vốn thực hiện;

d) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn có liên quan (nếu có).

2. Trình tự, thủ tục đề nghị xác nhận di tích xuống cấp để lập dự án tu bổ di tích:

a) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có

trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm trả lời bằng văn bản ý kiến xác nhận di tích bị xuống cấp để lập dự án tu bổ di tích. Trường hợp từ chối xác nhận di tích bị xuống cấp lập dự án tu bổ di tích thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Chủ đầu tư dự án tu bổ di tích gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này tới cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư dự án tu bổ di tích nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh, chủ đầu tư dự án tu bổ di tích có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có văn bản trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản ý kiến xác nhận di tích bị xuống cấp lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Trường hợp từ chối xác nhận di tích bị xuống cấp lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 23. Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Thẩm quyền lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích quyết định việc

lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và giao chủ đầu tư Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

b) Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật chịu trách nhiệm lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện hành nghề lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

3. Thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 24. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Khảo sát, thu thập tài liệu về yếu tố kinh tế - xã hội, môi trường tự nhiên và những vấn đề liên quan đến di tích.

2. Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

3. Lấy ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

4. Tiếp thu ý kiến của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Thẩm tra, thẩm định, trình phê duyệt, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

6. Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công bố Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã được phê duyệt tại di tích trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt, với các nội dung sau: thuyết minh nội dung cơ bản của Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và tổng dự toán kinh phí thực hiện, trừ nội dung có liên quan đến quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước; bản vẽ tổng mặt bằng bảo quản, tu bổ, phục hồi và bản vẽ công trình được bảo quản, tu bổ, phục hồi; thời gian thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; tên chủ đầu tư, tên tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Điều 25. Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích gồm:

a) Căn cứ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

b) Giới thiệu khái quát về di tích và giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích;

c) Báo cáo khảo sát chi tiết về các vấn đề lịch sử, khảo cổ, văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật, quá trình xây dựng, tu bổ, kỹ thuật, vật liệu xây dựng di tích, hiện vật; đánh giá tình trạng kỹ thuật, tình hình quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích, hiện vật và các kết quả khảo sát theo quy định của pháp luật về xây dựng;

d) Mục tiêu, quan điểm, nguyên tắc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

đ) Phương án quy hoạch mặt bằng tổng thể di tích và các phương án: giải tỏa vi phạm di tích (nếu có); bảo quản, tu bổ, phục hồi từng hạng mục của di tích và hiện vật thuộc di tích; tôn tạo cảnh quan; bảo vệ di tích và các hiện vật trong quá trình thi công; duy trì hoạt động tại di tích trong quá trình thi công; phòng, chống mối mọt, cháy nổ; xây dựng công trình mới và hạ tầng kỹ thuật;

e) Giải pháp kỹ thuật, công nghệ, vật liệu sử dụng để bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

g) Chỉ tiêu đối với thiết kế kiến trúc công trình xây dựng mới;

h) Đánh giá tác động môi trường của Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, bao gồm các nội dung sau: liệt kê chất thải và đánh giá tác

động của chất thải, độ rung, tiếng ồn và các tác động khác phát sinh từ việc thực hiện bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; biện pháp xử lý chất thải, độ rung, tiếng ồn và các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường, sức khỏe cộng đồng và các tác động tương ứng;

Trường hợp dự án sử dụng đất di tích mà không thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thì phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

i) Phương án bảo dưỡng, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích sau khi hoàn thành dự án;

k) Các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về xây dựng;

l) Dự toán kinh phí được lập theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa; tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

m) Tiến độ thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

2. Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15 cm, chụp vào thời điểm khảo sát, thể hiện tổng thể và từng hạng mục di tích, kết cấu tiêu biểu, hiện vật, tình trạng kỹ thuật của công trình.

3. Thiết kế cơ sở của Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

a) Bản vẽ, ảnh tư liệu liên quan đến quá trình hình thành, tồn tại, biến đổi và những lần bảo quản, tu bổ, phục hồi trước đây của di tích;

b) Các bản vẽ hiện trạng di tích gồm: bản vẽ xác định vị trí di tích trên bản đồ hành chính cấp tỉnh tỷ lệ 1:15.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp; bản vẽ hiện trạng mặt bằng tổng thể di tích tỷ lệ 1:500 - 1:2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp; bản vẽ hiện trạng mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt từng hạng mục công trình tỷ lệ 1:500 - 1:2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp; bản vẽ hiện trạng từng bộ phận của công trình và bản vẽ hiện trạng hiện vật cần bảo quản, tu bổ, phục hồi tỷ lệ 1:50 - 1:100 hoặc có tỷ lệ thích hợp; các bản vẽ hiện trạng khác có liên quan theo yêu cầu của pháp luật về xây dựng;

c) Bản vẽ thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích gồm: bản vẽ quy hoạch mặt bằng tổng thể di tích tỷ lệ 1:500 - 1:2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp; bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt từng hạng mục công trình tỷ lệ 1:50 - 1:2.000 hoặc có

tỷ lệ thích hợp; bản vẽ thiết kế từng bộ phận của công trình và bản vẽ thiết kế hiện vật được bảo quản, tu bổ, phục hồi tỷ lệ 1:50 - 1:100 hoặc có tỷ lệ thích hợp;

d) Bản vẽ thiết kế công trình xây dựng mới và các bản vẽ thiết kế khác theo quy định của pháp luật về xây dựng;

đ) Bản vẽ phối cảnh thể hiện trên khổ giấy A3.

Điều 26. Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích được lập trong trường hợp chỉ thực hiện nội dung bảo quản di tích (gồm bảo quản công trình, cấu kiện di tích hoặc bảo quản hiện vật thuộc di tích).

2. Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích gồm:

a) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích: căn cứ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích; giới thiệu khái quát về di tích và giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích; kết quả khảo sát về tình trạng kỹ thuật của di tích, hiện vật thuộc di tích cần bảo quản; mục tiêu bảo quản di tích, hiện vật thuộc di tích; quan điểm, nguyên tắc bảo quản di tích, hiện vật thuộc di tích; phương án bảo quản từng hạng mục di tích, hiện vật thuộc di tích; phương án bảo vệ di tích, hiện vật và phương án duy trì hoạt động ở di tích trong quá trình thi công; giải pháp kỹ thuật, công nghệ, vật liệu sử dụng để bảo quản di tích, bảo quản hiện vật thuộc di tích; phương án bảo dưỡng di tích, hiện vật thuộc di tích sau khi hoàn thành dự án; dự toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện, gồm chi phí tư vấn và chi phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích; tiến độ thực hiện;

b) Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15 cm, chụp vào thời điểm khảo sát, thể hiện tình trạng kỹ thuật công trình, hiện vật cần bảo quản;

c) Thiết kế cơ sở của Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích gồm: bản vẽ, ảnh tư liệu liên quan đến những lần bảo quản trước đây; bản vẽ hiện trạng từng bộ phận của công trình, hiện vật thuộc di tích cần bảo quản tỷ lệ 1:50 - 1:100 hoặc tỷ lệ phù hợp; bản vẽ thiết kế từng bộ phận của công trình, hiện vật thuộc di tích được bảo quản tỷ lệ 1:50 - 1:100 hoặc tỷ lệ phù hợp.

Điều 27. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này, hoặc thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định này;

c) Bộ ảnh màu theo quy định tại khoản 2 Điều 25 hoặc điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định này;

d) Thiết kế cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 25 hoặc điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định này;

đ) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích;

e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng;

g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích;

h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này;

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

Điều 28. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là Báo cáo nghiên cứu khả thi có quy mô nhỏ được lập theo quy định của Luật Xây dựng và trong trường hợp sau:

a) Việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích chỉ dừng ở mức độ gia cố, tu sửa nhỏ những hạng mục, cấu kiện đơn giản, ít ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích mà không phải lựa chọn các phương án khác nhau;

b) Cải tạo công trình không có yếu tố gốc cấu thành di tích hoặc xây dựng công trình mới phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

2. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích gồm:

a) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích: căn cứ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; giới thiệu khái quát về di tích và giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích; báo cáo khảo sát sơ bộ về các vấn đề kiến trúc, nghệ thuật, kỹ thuật, vật liệu xây dựng di tích; đánh giá tình trạng kỹ thuật của di tích; mục tiêu bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi, sửa chữa nhỏ từng hạng mục, cấu kiện đơn giản của di tích và các phương án: bảo vệ di tích và hiện vật trong quá trình thi công; phòng, chống mối mọt, cháy nổ; xây dựng công trình mới, hạ tầng kỹ thuật; các nội dung yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về xây dựng; dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện;

b) Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15 cm, chụp vào thời điểm khảo sát, thể hiện vị trí và chi tiết các hạng mục được lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

c) Thiết kế bản vẽ thi công Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích gồm: bản vẽ hiện trạng mặt bằng tổng thể di tích tỷ lệ 1:500 - 1:2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp; bản vẽ hiện trạng mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt từng hạng mục công trình, cấu kiện, hiện vật thuộc di tích tỷ lệ 1:50 - 1:2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp; bản vẽ thiết kế gia cố, sửa chữa nhỏ những hạng mục, cấu kiện đơn giản bao gồm: bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể di tích tỷ lệ 1:500 - 1:2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp; bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt từng hạng mục di tích, hiện vật thuộc di tích tỷ lệ 1:50 - 1:2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp; bản vẽ thiết kế bộ phận công trình được bảo quản, tu bổ, phục hồi tỷ lệ 1:50 - 1:100 hoặc tỷ lệ phù hợp; bản vẽ thiết kế cải tạo công trình cũ hoặc xây dựng công trình mới theo quy định của pháp luật về xây dựng; bản vẽ phối cảnh di tích thể hiện trên khổ giấy A3.

Điều 29. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định này;

c) Bộ ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định này;

d) Thiết kế bản vẽ thi công theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định này;

đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện;

e) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng;

g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này;

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

Điều 30. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích gồm thẩm định thiết kế cơ sở và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích:

a) Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở gồm: đánh giá về sự phù hợp của báo cáo khảo sát chi tiết về các vấn đề lịch sử, khảo cổ, văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật, quá trình xây dựng, tu bổ, kỹ thuật, vật liệu xây dựng di tích; đánh giá tình trạng kỹ thuật, tình hình quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích và các kết quả khảo sát theo quy định của pháp luật về xây dựng; mục tiêu, quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, hiện vật; phương án quy hoạch mặt bằng tổng thể di tích và các phương án: giải tỏa vi phạm di tích (nếu có); bảo quản, tu bổ, phục hồi từng hạng mục công trình của di tích, hiện vật của di tích; tôn tạo cảnh quan; bảo vệ di tích, các hiện vật trong quá trình thi công; duy trì hoạt động tại di tích trong quá trình thi công; phòng, chống mối mọt, cháy nổ; xây dựng công trình mới và hạ tầng kỹ thuật; giải pháp kỹ thuật, công nghệ, vật liệu sử dụng để bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, hiện vật; đánh giá tác động môi trường của Báo cáo nghiên cứu khả thi; phương án bảo dưỡng, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích, hiện vật sau khi hoàn thành dự án; dự toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện; tiến độ thực hiện; sự đầy đủ của hồ sơ thiết kế cơ sở;

b) Các nội dung đánh giá khác có liên quan theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: đánh giá sự đầy đủ các nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về xây dựng; đánh giá sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành; đánh giá sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận, với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có); đánh giá sự phù hợp của giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, việc thực hiện các yêu cầu về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường; việc tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật của dự án;

c) Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện, chi phí lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

2. Nội dung thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

a) Nội dung thẩm định thiết kế bản vẽ thi công gồm: đánh giá sự phù hợp về mức độ gia cố, sửa chữa nhỏ những hạng mục, cấu kiện đơn giản, ít ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích; phương án cải tạo công trình không có yếu tố gốc cấu thành giá trị di tích hoặc xây dựng công trình mới phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích; nội dung báo cáo khảo sát sơ bộ về các vấn đề kiến trúc, nghệ thuật, kỹ thuật, vật liệu xây dựng di tích, tình trạng kỹ thuật; phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi, sửa chữa nhỏ từng hạng mục, cấu kiện, hiện vật của di tích và các phương án: bảo vệ di tích và hiện vật trong quá trình thi công; phòng, chống mối mọt, cháy nổ; xây dựng công trình mới, hạ tầng kỹ thuật; dự toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện;

b) Các nội dung đánh giá khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện, chi phí lập, thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 27 và khoản 1 Điều 29 Nghị định này.

4. Kết quả thẩm định gồm:

a) Đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu đối với từng nội dung thẩm định và kết luận cho toàn bộ các nội dung thẩm định;

b) Các yêu cầu đối với người đề nghị thẩm định, người quyết định đầu tư.

5. Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 31. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Trình tự, thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

a) Đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị định này tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thẩm định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và ý kiến Hội đồng khoa học về bảo tồn di tích (trong trường hợp dự án tu bổ di tích có quy mô lớn, phức tạp), Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định.

Trường hợp có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại điểm đ khoản này, sau khi nhận được văn bản yêu cầu thẩm tra của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích chỉ đạo lấy ý kiến thẩm tra.

Trong 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định;

b) Trường hợp Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại điểm a khoản này có nội dung bảo quản, tu bổ, phục hồi lớn hoặc có hoạt động xây dựng mới có thể tác động đến giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có di sản thế giới hoặc Bộ trưởng bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới đánh giá tác động theo Tài liệu Hướng dẫn và bộ công cụ đánh giá tác động do UNESCO ban hành và hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tổ chức Hội đồng đánh giá theo quy định tại Điều 42 Nghị định này sau khi nhận được hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; gửi hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi tu bổ di tích tới Ủy ban Di sản thế giới, đồng thời có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ và ý kiến trả lời của Ủy ban Di sản thế giới, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định;

c) Đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích, chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị định này tới cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh trên địa bàn nơi có di tích để thẩm định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ

sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định. Trường hợp có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại điểm đ khoản này, trong 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng, người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định;

d) Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc;

đ) Trong trường hợp cần thiết, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh yêu cầu chủ đầu tư dự án tu bổ di tích lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng và quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa, để thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức thẩm định, của người quyết định đầu tư.

2. Trình tự, thủ tục phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

a) Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị định này tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích hoặc người được ủy quyền để phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

Trường hợp chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích hoặc người được ủy quyền có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích hoặc người được ủy quyền có trách nhiệm phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

b) Trường hợp Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích có nội dung tu bổ lớn hoặc có hoạt động xây dựng mới có thể tác động đến giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới, chủ đầu tư chỉ được phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này sau khi hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã tiếp thu, hoàn chỉnh theo ý kiến trả lời của Ủy ban Di sản thế giới và ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

c) Đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, thời hạn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

3. Kinh phí tu bổ di tích, thẩm định, thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích được lập theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

Điều 32. Điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích được điều chỉnh khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Có phát hiện mới về di tích thuộc nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

b) Các căn cứ điều chỉnh quy hoạch di tích liên quan có ảnh hưởng trực tiếp đến di tích;

c) Xuất hiện yếu tố mới có khả năng hủy hoại hoặc gây nguy cơ hủy hoại di tích;

d) Ảnh hưởng của thiên tai, sự cố môi trường, địch hoạ, hoả hoạn; các yếu tố bất khả kháng; khi chứng minh về hiệu quả tài chính, kinh tế, xã hội mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án do việc điều chỉnh dự án mang lại; hoặc chỉ số giá xây dựng công bố trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá xây dựng được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư được phê duyệt; hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư có liên quan theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo quy định tại Điều 27, Điều 29 Nghị định này.

Văn bản đề nghị thẩm định hoặc thẩm định hoặc Tờ trình phê duyệt theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện như quy định tại Điều 31 Nghị định này.

Điều 33. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích

1. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Di sản văn hóa gồm:

a) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích: lý do tu sửa cấp thiết, tình trạng kỹ thuật và các nguy cơ gây xuống cấp, sập đổ, hủy hoại di tích; đề xuất phương án tu sửa cấp thiết di tích;

b) Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15 cm, mô tả hiện trạng xuống cấp của di tích tại thời điểm lập hồ sơ;

c) Bản vẽ thiết kế phương án tu sửa cấp thiết di tích;

d) Kinh phí tu sửa cấp thiết di tích được lập theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích:

a) Trình tự, thủ tục lấy ý kiến Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích:

Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này tới cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, sau khi nhận được hồ sơ đề nghị có ý kiến đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích, người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có ý kiến trả lời bằng văn bản;

b) Trình tự, thủ tục phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích.

Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, sau khi nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích.

3. Hồ sơ đề nghị có ý kiến, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích gồm:

a) Hồ sơ đề nghị có ý kiến: văn bản đề nghị theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thuyết minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; bộ ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; bản vẽ thiết kế phương án tu sửa cấp thiết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; dự toán kinh phí tu sửa cấp thiết theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

b) Hồ sơ đề nghị phê duyệt: tờ trình đề nghị theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thuyết minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; bộ ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; bản vẽ thiết kế phương án tu sửa cấp thiết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; dự toán kinh phí tu sửa cấp thiết theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này; ý kiến của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.

Mục 3
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH VÀ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG BẢO QUẢN DI TÍCH

Điều 34. Thẩm quyền lập Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích

Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật chịu trách nhiệm lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện hành nghề lập Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, lập Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích sau khi Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích

1. Khảo sát, thu thập tài liệu về yếu tố kinh tế - xã hội, môi trường tự nhiên và những vấn đề liên quan đến di tích.

2. Lập Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

3. Lấy ý kiến của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

4. Tiếp thu ý kiến của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Thẩm tra, thẩm định, trình phê duyệt, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

6. Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công bố Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích đã được phê duyệt tại di tích trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích được phê duyệt, với các nội dung sau:

a) Thuyết minh nội dung cơ bản của Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích và tổng dự toán kinh phí thực hiện, trừ nội dung có liên quan đến quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước;

b) Bản vẽ tổng mặt bằng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và bản vẽ công trình được bảo quản, tu bổ, phục hồi;

c) Thời gian thực hiện;

d) Tên chủ đầu tư, tên tổ chức lập Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

Điều 36. Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Báo cáo kết quả khảo sát di tích

Báo cáo kết quả khảo sát di tích phải đáp ứng yêu cầu báo cáo khảo sát xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và nêu rõ các nội dung sau:

a) Tổng hợp tư liệu phục vụ lập báo cáo kết quả khảo sát di tích;

b) Kết quả khảo sát tổng thể di tích: vị trí, mối liên hệ vùng, địa hình, không gian, môi trường cảnh quan di tích; bản đồ khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích; phân tích hiện trạng sử dụng đất và xác định các tác động ảnh hưởng đến không gian, cảnh quan di tích; bố cục mặt bằng tổng thể di tích; lập danh sách và phân tích lịch sử xây dựng, tu bổ các hạng mục công trình di tích; phân tích kết quả thăm dò, khai quật khảo cổ (nếu có); hệ thống hiện vật ngoại thất, cảnh quan và kỹ thuật hạ tầng di tích; hoạt động văn hóa có liên quan đến di tích;

c) Kết quả khảo sát hạng mục công trình di tích được tu bổ: mô tả mặt bằng, hình thức kiến trúc, kết cấu, vật liệu xây dựng công trình; phân tích, xác định các yếu tố gốc cấu thành di tích và các thành phần mới bổ sung; phân tích, xác định tình trạng kỹ thuật và nguyên nhân gây hỏng, xuống cấp công trình; phân tích, xác định các tác động tiêu cực từ môi trường và các tác nhân gây hại khác ảnh hưởng đến công trình; hiện trạng bài trí nội thất, số lượng hiện vật, đồ thờ, tình trạng bảo tồn và nguyên nhân xuống cấp của hiện vật, đồ thờ; thực trạng bảo vệ và phát huy giá trị di tích; định hướng hồ sơ, tư liệu phải tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm trong quá trình thi công tu bổ di tích để phục vụ điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (nếu có).

2. Thuyết minh:

Thuyết minh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải đáp ứng yêu cầu về thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và nêu rõ các nội dung sau:

a) Căn cứ pháp lý và cơ sở khoa học;

b) Phân tích sự biến đổi của di tích qua các thời kỳ để xác định yếu tố gốc cấu thành di tích cần bảo tồn;

c) Mô tả hiện trạng tổng thể di tích, công trình di tích được tu bổ; đánh giá tình trạng kỹ thuật, vật liệu xây dựng, trang trí mỹ thuật, khả năng sử dụng của từng cấu kiện, thành phần kiến trúc của công trình di tích được tu bổ; phân tích kết quả thăm dò, khai quật khảo cổ (nếu có);

d) Phân tích, chỉ rõ nguy cơ, nguyên nhân gây hỏng, xuống cấp di tích;

đ) Đề xuất giải pháp thiết kế tu bổ di tích, bao gồm: giải pháp hạ giải di tích (trong trường hợp cần thiết); giải pháp bảo vệ hiện vật di chuyển được và không di chuyển được; giải pháp tu bổ công trình di tích (nêu rõ giải pháp kỹ thuật và vật liệu tu bổ từng loại cấu kiện, thành phần kiến trúc; giải pháp phòng, chống cháy, nổ, mối, mọt và các tai họa bất thường khác); giải pháp xây dựng nhà bao che phục vụ thi công tu bổ di tích, nhà bảo quản cấu kiện, thành phần kiến trúc phải hạ giải; giải pháp phục hồi, tôn tạo cảnh quan, xây dựng công trình mới phục vụ việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích, hệ thống kỹ thuật hạ tầng, phòng, chống cháy, nổ, mối, mọt và các tai họa bất thường khác; giải pháp tổ chức thi công.

3. Ảnh di tích bao gồm:

a) Ảnh tư liệu liên quan đến lịch sử hình thành, quá trình tồn tại, biến đổi và các lần tu bổ di tích (nếu có);

b) Bộ ảnh hiện trạng di tích tại thời điểm khảo sát, in màu, kích thước 10 x 15 cm trở lên, chụp tổng thể cảnh quan và chi tiết kiến trúc - nghệ thuật, hiện vật, đồ thờ của công trình di tích được tu bổ, phù hợp với Báo cáo kết quả khảo sát di tích quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích bao gồm:

a) Bản vẽ tư liệu liên quan đến lịch sử hình thành, quá trình tồn tại, biến đổi và các lần tu bổ di tích (nếu có);

b) Bản vẽ hiện trạng di tích, bao gồm: Bản vẽ xác định vị trí di tích trên bản đồ hành chính cấp tỉnh, thể hiện đường đến di tích từ trung tâm hành chính cấp tỉnh; bản vẽ mặt bằng tổng thể di tích, mặt cắt tổng thể di tích, tỷ lệ 1:500, thể hiện hướng của di tích, các khu vực tiếp giáp di tích, lịch sử hình thành các công trình kiến trúc hiện có, dấu vết nền móng hoặc bộ phận của công trình kiến trúc đã mất, hệ thống hiện vật, đồ thờ ngoại thất, cảnh quan và kỹ thuật hạ tầng; Bản vẽ mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt của công trình di tích được tu bổ tỷ lệ 1:50 - 1:100, có chú thích về niên đại, vật liệu, màu sắc và tình trạng kỹ thuật của từng loại cấu kiện, thành phần kiến trúc; bản vẽ chi tiết cấu kiện, thành phần kiến trúc điển hình của công trình di tích được tu bổ tỷ lệ 1:50 -1:100; bản vẽ sơ đồ bài trí hiện vật, đồ thờ nội thất của công trình di tích được tu bổ tỷ lệ 1:100;

c) Bản vẽ giải pháp tu bổ di tích, bao gồm: Bản vẽ quy hoạch mặt bằng tổng thể di tích, mặt cắt tổng thể di tích tỷ lệ 1:500 - 1:2.000, có chú thích hạng mục công trình di tích được tu bổ, công trình được tôn tạo, xây dựng mới phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích; bản vẽ mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt của công trình di tích được tu bổ tỷ lệ 1:50 - 1:100, nêu rõ giải pháp kỹ thuật và vật liệu tu bổ của từng loại cấu kiện, thành phần kiến trúc; bản vẽ chi tiết giải pháp kỹ thuật tu bổ đối với từng loại cấu kiện, thành phần kiến trúc tỷ lệ 1:50 - 1:100, chỉ định vị trí, quy cách đánh dấu niên đại vật liệu xây dựng mới đưa vào di tích nhằm phân biệt với yếu tố gốc cấu thành di tích; bản vẽ công trình được tôn tạo, xây dựng mới phục vụ việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích và hệ thống kỹ thuật hạ tầng, phòng, chống cháy, nổ, mối, mọt và các tai họa bất thường khác; bản vẽ nhà bao che phục vụ thi công tu bổ di tích, nhà bảo quản cấu kiện, thành phần kiến trúc phải hạ giải; bản vẽ tổ chức thi công tu bổ di tích thể hiện các nội dung: vị trí các kho bảo quản cấu kiện, thành phần kiến trúc; khu vực thi công tu bổ cấu kiện, thành phần kiến

trúc; vị trí thiết bị phòng cháy, chữa cháy; khu vực tập kết cấu kiện, thành phần kiến trúc không còn khả năng sử dụng; vị trí tập kết vật liệu xây dựng mới, dự kiến đưa vào công trình; nội dung, quy cách và vị trí lắp đặt nội quy công trường; phương án tổ chức hoạt động của di tích trong quá trình thi công; bản vẽ mô tả quy trình kỹ thuật thi công đặc biệt (nếu có).

5. Dự toán kinh phí bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích được lập theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

6. Phụ lục tài liệu có liên quan đến thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích bao gồm:

a) Bản vẽ thiết kế tu bổ di tích đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt;

b) Các văn bản thẩm định, thẩm tra dự án, quyết định phê duyệt dự án;

c) Biên bản ghi ý kiến đóng góp của cộng đồng, tổ chức và cá nhân có liên quan về nội dung, giải pháp thiết kế;

d) Các tài liệu có liên quan khác.

Điều 37. Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích

1. Thuyết minh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích: Căn cứ lập Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích; kết quả khảo sát về tình trạng kỹ thuật của di tích, hiện vật thuộc di tích cần bảo quản; giải pháp kỹ thuật, công nghệ, vật liệu sử dụng để bảo quản di tích, hiện vật di tích.

2. Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15 cm, chụp vào thời điểm khảo sát, thể hiện tình trạng kỹ thuật công trình, hiện vật cần bảo quản.

3. Bản vẽ, ảnh tư liệu liên quan đến những lần bảo quản trước đây; bản vẽ hiện trạng từng bộ phận của công trình, hiện vật cần bảo quản tỷ lệ 1:50 - 1:100; bản vẽ thiết kế từng bộ phận của công trình, hiện vật được bảo quản tỷ lệ 1:50 - 1:100.

4. Dự toán kinh phí bảo quản di tích được lập theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

Điều 38. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích

1. Trình tự, thủ tục thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích

a) Đối với Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích là di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia:

Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh nơi có di tích gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 39 Nghị định này đến cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương để thẩm định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Thủ trưởng cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp kết quả thẩm định bằng văn bản đồng ý hoặc văn bản góp ý điều chỉnh, bổ sung.

Trường hợp cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều này, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng, Thủ trưởng cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp kết quả thẩm định bằng văn bản đồng ý hoặc văn bản góp ý điều chỉnh, bổ sung;

b) Đối với Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích là di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích:

Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 39 Nghị định này đến cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh để thẩm định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp kết quả thẩm định bằng văn bản đồng ý hoặc văn bản góp ý điều chỉnh, bổ sung.

Trường hợp cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều này, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp kết quả thẩm định bằng văn bản đồng ý hoặc văn bản góp ý điều chỉnh, bổ sung.

c) Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.

2. Trình tự, thủ tục phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích

a) Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 39 Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích hoặc người được ủy quyền để phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý

di tích hoặc người được ủy quyền có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích hoặc người được ủy quyền, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích hoặc người được ủy quyền trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích hoặc người được ủy quyền có trách nhiệm phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

b) Đối với việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích của Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, thời hạn phê duyệt là 07 ngày làm việc.

3. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng và quy định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa, để thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức thẩm định, của người quyết định đầu tư.

4. Kinh phí thuê tổ chức thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

Điều 39. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích

1. Văn bản đề nghị thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích hoặc tờ trình đề nghị phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bộ ảnh màu và Thiết kế bản vẽ thi công.

3. Dự toán kinh phí thực hiện; chi phí lập, thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

4. Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này (đối với trường hợp trình phê duyệt).

Điều 40. Nội dung thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích

1. Nội dung thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích gồm thẩm định thiết kế và các nội dung khác của Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích, cụ thể:

a) Nội dung thẩm định thiết kế gồm: đánh giá sự phù hợp về mức độ gia cố, sửa chữa nhỏ những hạng mục, cấu kiện đơn giản, ít ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích; phương án cải tạo công trình không có yếu tố gốc cấu thành giá trị di tích hoặc xây dựng công trình mới phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích; nội dung báo cáo khảo sát sơ bộ về các vấn đề kiến trúc, nghệ thuật, kỹ thuật, vật liệu xây dựng di tích, tình trạng kỹ thuật; phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi, sửa chữa nhỏ từng hạng mục, cấu kiện đơn giản của di tích và các phương án: bảo vệ di tích và hiện vật trong quá trình thi công; phòng, chống mối mọt, cháy nổ; về xây dựng công trình mới, hạ tầng kỹ thuật; dự toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện;

b) Các nội dung đánh giá khác theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: đánh giá sự đầy đủ các nội dung của thiết kế bản vẽ thi công theo quy định của pháp luật về xây dựng; đánh giá sự phù hợp của thiết kế với hồ sơ Báo cáo

nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; đánh giá sự phù hợp của giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, việc thực hiện các yêu cầu về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường; việc tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật của dự án;

c) Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện, chi phí lập, thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

2. Kết quả thẩm định gồm:

a) Đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu đối với từng nội dung thẩm định và kết luận cho toàn bộ các nội dung thẩm định;

b) Các yêu cầu đối với người đề nghị thẩm định, người quyết định đầu tư.

Kết quả thẩm định được đồng thời gửi cơ quan quản lý xây dựng ở địa phương để biết và quản lý.

3. Văn bản thông báo kết quả thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích thực hiện theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Kinh phí thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích được lập theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

Điều 41. Điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích

1. Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích được điều chỉnh khi có phát sinh, phát hiện mới về di tích trong quá trình thi công tu bổ di tích. Việc điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích phải phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của dự án tu bổ di tích đã được phê duyệt.

2. Hồ sơ điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích bao gồm:

a) Thuyết minh nội dung điều chỉnh, bổ sung;

b) Bộ ảnh màu, kích thước 10 x 15 cm;

c) Bản vẽ giải pháp tu bổ di tích đã được phê duyệt liên quan đến nội dung điều chỉnh;

d) Bản vẽ hiện trạng và giải pháp điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (nếu có);

đ) Biên bản của Hội đồng đánh giá di tích theo quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

e) Dự toán điều chỉnh, bổ sung.

Tài liệu quy định tại các điểm a, b và d khoản này phải thể hiện rõ những phát sinh, phát hiện mới về di tích.

3. Việc thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích được thực hiện như quy định tại Điều 38 Nghị định này trong thời hạn 07 ngày làm việc.

Chương IV
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH, SỬA CHỮA, CẢI TẠO, XÂY DỰNG NHÀ Ở RIÊNG LẺ NẰM TRONG, NẰM NGOÀI KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH, DI SẢN THẾ GIỚI

Mục 1
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NẰM TRONG, NẰM NGOÀI KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH, DI SẢN THẾ GIỚI

Điều 42. Đánh giá các yếu tố tác động đến di sản thế giới

1. Dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội nằm trong khu vực di sản thế giới, vùng đệm của khu vực di sản thế giới quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Luật Di sản văn hóa phải tuân thủ các yêu cầu bảo vệ môi trường, có giải pháp ngăn ngừa, kiểm soát nguy cơ tác động tiêu cực đến di sản thế giới và phải được đánh giá các yếu tố có khả năng tác động tiêu cực đến di sản thế giới với đầy đủ các nội dung sau:

a) Tính toàn vẹn và tính xác thực của di sản thế giới;

b) Tính bền vững của công trình kiến trúc và địa điểm khảo cổ;

c) Sự bảo tồn và phát triển của hệ sinh thái, đa dạng sinh học, đặc biệt là các loài bị đe dọa;

d) Chất lượng nguồn nước;

đ) Tính bền vững của di sản văn hóa phi vật thể;

e) Các yếu tố gốc cấu thành giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chủ trì thẩm định, cấp phép quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Di sản văn hóa chịu trách nhiệm thành lập Hội đồng đánh giá các yếu tố tác động đến di sản thế giới theo quy định tại khoản 1 Điều này. Việc đánh giá các yếu tố tác động đến di sản thế giới phải lập thành hồ sơ báo cáo đánh giá theo Tài liệu Hướng dẫn và bộ công cụ đánh giá tác động của Trung tâm di sản thế giới.

3. Hội đồng đánh giá theo quy định tại khoản 2 Điều này tối thiểu có 05 thành viên trở lên, gồm các chuyên gia, nhà khoa học trong Hội đồng khoa học bảo tồn di tích và các lĩnh vực khác có liên quan thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

4. Ý kiến của Hội đồng đánh giá và ý kiến của các thành viên Hội đồng phải lập thành biên bản của Hội đồng gửi kèm hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Di sản văn hóa.

Điều 43. Hồ sơ lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới

1. Văn bản đề nghị cho ý kiến thẩm định về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị đối với di tích, di sản thế giới theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.

3. Vị trí của dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội đối với khu vực bảo vệ di tích, khu vực di sản thế giới, vùng đệm di sản thế giới.

Điều 44. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới

Việc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản đối với dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 29 Luật Di sản văn hóa mà sử dụng vốn đầu tư công, sử dụng vốn chi thường xuyên thì ngoài thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư và đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước thì cần thực hiện theo quy định sau:

1. Lấy ý kiến đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chủ trì thẩm định, cấp phép dự án gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 43 tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chủ trì thẩm định, cấp phép dự án nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chủ trì thẩm định, cấp phép dự án có trách nhiệm bổ sung. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến bằng văn bản về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia.

2. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội có nội dung hoạt động xây dựng mới có thể tác động đến giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư theo

quy định tại Điều 43 Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có di sản thế giới hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới đánh giá tác động theo Tài liệu Hướng dẫn và bộ công cụ đánh giá tác động do UNESCO ban hành và hoàn chỉnh hồ sơ gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tổ chức Hội đồng đánh giá theo quy định tại Điều 42 Nghị định này sau khi nhận được hồ sơ; gửi hồ sơ tới Ủy ban Di sản thế giới, đồng thời có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Lấy ý kiến đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Di sản văn hóa gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 43 tới cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Di sản văn hóa nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Di sản văn hóa có trách nhiệm bổ sung. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có ý kiến bằng văn bản về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

4. Trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là dự án đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi khu vực bảo vệ I và II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, trừ khu vực bảo vệ I của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới thì thực hiện theo quy định của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu.

Điều 45. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, sau khi nhận được 01 bộ hồ sơ dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Di sản văn hóa bằng hình thức trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến thẩm định bằng văn bản trả lời cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, sau khi nhận được 01 bộ hồ sơ dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Luật Di sản văn hóa bằng hình thức trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có ý kiến thẩm định bằng văn bản trả lời Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan chủ trì thẩm định, cấp phép dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị di tích cấp tỉnh.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

Mục 2
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ LẤY Ý KIẾN ĐỐI VỚI VIỆC SỬA CHỮA, CẢI TẠO, XÂY DỰNG NHÀ Ở RIÊNG LẺ NẰM TRONG, NẰM NGOÀI KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH, DI SẢN THẾ GIỚI

Điều 46. Hồ sơ lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới

1. Hồ sơ lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 Luật Di sản văn hóa, gồm các thành phần sau:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Bản đồ vị trí nhà ở riêng lẻ lấy ý kiến sửa chữa, cải tạo, xây dựng, trong đó thể hiện vị trí ranh giới di tích, di sản thế giới.

Trường hợp cấp giấy phép xây dựng, cơ quan cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ trên địa bàn có di tích, di sản thế giới chịu trách nhiệm cung cấp Bản đồ vị trí;

d) Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15 cm, chụp vào thời điểm đề nghị, thể hiện tổng thể hiện trạng của khu vực dự kiến sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ;

đ) Các văn bản pháp lý khác có liên quan đến di tích, công trình nhà ở đơn lẻ trước đó (nếu có).

2. Hồ sơ lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Di sản văn hóa, gồm các thành phần sau:

a) Văn bản đề nghị của chủ dự án đầu tư xây dựng nhà ở riêng lẻ đối với trường hợp không phải cấp phép xây dựng hoặc của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) 01 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng được quy định tại Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Bản đồ vị trí cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, trong đó thể hiện vị trí di tích, di sản thế giới;

d) Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15 cm, chụp vào thời điểm đề nghị, thể hiện tổng thể hiện trạng của khu vực dự kiến xây dựng nhà ở riêng lẻ;

đ) Các văn bản pháp lý khác có liên quan đến di tích, công trình nhà ở đơn lẻ trước đó (nếu có).

Điều 47. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới

1. Đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ không thuộc trường hợp cấp giấy phép xây dựng:

Chủ dự án đầu tư xây dựng nhà ở riêng lẻ có trách nhiệm gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định này đến cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thuộc địa bàn để xem xét, có ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 29 Luật Di sản văn hóa.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ dự án đầu tư xây dựng nhà ở riêng lẻ nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh, chủ dự án đầu tư xây dựng nhà ở riêng lẻ có trách nhiệm bổ sung. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và trên cơ sở lấy ý kiến bằng văn bản của người đại diện, tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích, di sản thế giới, người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có ý kiến bằng văn bản trả lời chủ dự án đầu tư xây dựng nhà ở riêng lẻ đồng ý hoặc không đồng ý về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di sản thế giới. Trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

2. Đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ thuộc trường hợp cấp giấy phép xây dựng:

Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ có trách nhiệm gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Nghị định này đến cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thuộc địa bàn để xem xét, có ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 29 Luật Di sản văn hóa.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và trên cơ sở lấy ý kiến bằng văn bản của người đại diện, tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích, di sản thế giới, người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh có ý kiến bằng văn bản trả lời cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ nơi có di tích, di sản thế giới đồng ý hoặc không đồng ý về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di sản thế giới. Trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

Điều 48. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới

1. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Di sản văn hóa, cơ quan cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ trên địa bàn có di tích, di sản thế giới chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và giám sát việc lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Luật Di sản văn hóa.

2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới thực hiện theo quy định tại Điều 47 của Nghị định này.

Chương V
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC, HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ TRƯNG BÀY BẢO TÀNG CÔNG LẬP

Điều 49. Đề cương trưng bày bảo tàng công lập

1. Đề cương trưng bày bảo tàng công lập (sau đây gọi tắt là Đề cương trưng bày) bao gồm các nội dung sau:

a) Căn cứ lập đề cương trưng bày;

b) Mục tiêu đề cương trưng bày;

c) Quan điểm, nguyên tắc xây dựng nội dung trưng bày;

d) Giới thiệu khái quát về phạm vi nội dung trưng bày của bảo tàng và giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của hiện vật, sưu tập hiện vật;

đ) Cấu trúc nội dung trưng bày thể hiện rõ chủ đề và những thông điệp chính của nội dung trưng bày;

e) Mô tả sơ bộ hình thức trưng bày của nội dung trưng bày và các ứng dụng công nghệ sử dụng trong trưng bày;

g) Danh mục ảnh, tài liệu, hiện vật, sưu tập hiện vật theo các chủ đề;

h) Các bài viết chính, nội dung các câu chuyện trưng bày; chú thích ảnh, tài liệu, hiện vật; sơ đồ; bản đồ và các bảng biểu sử dụng trong trưng bày;

i) Nội dung số cho các ứng dụng công nghệ, tương tác nghe nhìn, trải nghiệm trong trưng bày phù hợp với các chủ đề trưng bày;

k) Xác định đối tượng khách tham quan;

l) Dự thảo nội dung thuyết minh, giới thiệu trưng bày;

m) Dự kiến nội dung các hoạt động giáo dục di sản văn hóa của trưng bày;

n) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến đối với đề cương trưng bày:

a) Trước khi phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật; trước khi quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc trường hợp phải quyết định chủ trương đầu tư, bảo tàng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương hoặc cơ quan, tổ chức chủ quản của bảo tàng công lập gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề cương trưng bày theo quy định tại khoản 1 Điều này tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến đối với đề cương trưng bày, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức chủ quản bảo tàng nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo cần nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan, tổ chức chủ quản bảo tàng công lập có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ;

d) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, có văn bản bản về sự phù hợp

giữa đề cương trưng bày với hiện vật và tính chất, quy mô, phạm vi hoạt động của bảo tàng, trên cơ sở ý kiến của Hội đồng khoa học về bảo tàng do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Di sản văn hóa. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Hồ sơ lấy ý kiến đối với đề cương trưng bày, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị có ý kiến về đề cương trưng bày;

b) Đề cương trưng bày theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Biên bản họp Hội đồng khoa học của bảo tàng về đề cương trưng bày;

d) Báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của chuyên gia, cơ quan, cá nhân, tổ chức liên quan (nếu có) về đề cương trưng bày.

Điều 50. Phê duyệt đề cương trưng bày

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương phê duyệt đề cương trưng bày sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Trình tự, thủ tục phê duyệt đề cương trưng bày:

a) Bảo tàng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương hoặc cơ quan, tổ chức chủ quản của bảo tàng công lập gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ theo quy định tại khoản 3 Điều này tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt đề cương trưng bày, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thông báo bằng văn bản tới bảo tàng công lập hoặc cơ quan, tổ chức chủ quản bảo tàng công lập nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo cần nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương, bảo tàng công lập hoặc cơ quan, tổ chức chủ quản bảo tàng công lập có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương trả lại hồ sơ;

d) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương phê duyệt đề cương trưng bày. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề cương trưng bày

a) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản trực tiếp bảo tàng công lập;

b) Đề cương trưng bày của bảo tàng công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định này;

c) Ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về đề cương trưng bày.

Điều 51. Lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và dự án trưng bày bảo tàng công lập

1. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và dự án trưng bày bảo tàng công lập:

a) Cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đối với dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật của bảo tàng công lập và khoản 3 Điều này đối với dự án trưng bày bảo tàng công lập tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật/dự án trưng bày bảo tàng công lập, cơ quan tham mưu, quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thông báo bằng văn bản tới cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo cần nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan tham mưu, quản lý nhà nước về di sản văn hóa thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật

và trưng bày bảo tàng công lập có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ;

d) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, trên cơ sở ý kiến của Hội đồng khoa học về bảo tàng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, có ý kiến bằng văn bản về sự phù hợp của việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, trưng bày bảo tàng công lập so với yêu cầu chuyên môn của bảo tàng và đề cương trưng bày đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Hồ sơ lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật bảo tàng công lập, gồm:

a) Tờ trình lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật bảo tàng công lập theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật bảo tàng công lập trừ nội dung có liên quan đến quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước;

c) Đề cương trưng bày đã được phê duyệt kèm quyết định phê duyệt;

d) Bản vẽ chi tiết không gian sử dụng cho các chức năng chuyên môn bảo tàng trong công trình kiến trúc của công trình xây dựng mới hoặc công trình cải tạo, nâng cấp;

đ) Bản vẽ và thuyết minh phương án dự kiến bố trí không gian trưng bày phù hợp với đề cương trưng bày đã được phê duyệt, phương án tuyến giao thông cho khách tham quan, không gian kho bảo quản và các không gian chức năng cho hoạt động bảo tàng;

e) Giải pháp, phương án bảo đảm an ninh, an toàn trong công trình xây dựng mới hoặc công trình cải tạo, nâng cấp theo quy định tại Điều 52 Nghị định này và kèm theo bản vẽ, thuyết minh;

g) Bản vẽ phối cảnh thể hiện trên khổ giấy A3;

h) Biên bản họp Hội đồng khoa học của bảo tàng về dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật bảo tàng công lập;

i) Báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của chuyên gia, cơ quan, cá nhân, tổ chức liên quan (nếu có).

3. Hồ sơ lấy ý kiến đối với dự án trưng bày bảo tàng công lập, bao gồm

a) Tờ trình theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Thuyết minh dự án trưng bày bảo tàng công lập, bao gồm: Căn cứ lập dự án; mục tiêu dự án; quan điểm, nguyên tắc thực hiện dự án; cấu trúc nội dung trưng bày và nhiệm vụ thiết kế trưng bày của bảo tàng công lập; thuyết minh ý tưởng thẩm mỹ trưng bày; phương án thi công; tiến độ thực hiện dự án;

c) Đề cương trưng bày đã được phê duyệt kèm quyết định phê duyệt;

d) Phương án và bản vẽ thiết kế hình thức không gian, đồ họa, tuyến tham quan, thoát hiểm và các bản vẽ kỹ thuật các khu trưng bày của bảo tàng;

đ) Phương án và bản vẽ thiết kế không gian phục vụ hoạt động giáo dục di sản văn hóa, phục vụ khách tham quan;

e) Phương án và bản vẽ thiết kế ánh sáng cho trưng bày; phương án và bản vẽ bảo quản hiện vật trưng bày;

g) Giải pháp kỹ thuật, công nghệ, vật liệu sử dụng để thực hiện trưng bày;

h) Bản vẽ thiết kế công trình xây dựng mới theo quy định của pháp luật về xây dựng;

i) Bản vẽ phối cảnh thể hiện trên khổ giấy A3;

k) Biên bản họp Hội đồng khoa học của bảo tàng về dự án trưng bày bảo tàng công lập;

l) Báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của chuyên gia, cơ quan, cá nhân, tổ chức liên quan (nếu có);

Điều 52. Điều kiện bảo đảm an ninh, an toàn cho hiện vật, quản lý, sử dụng bảo tàng và thực hiện nhiệm vụ của bảo tàng

1. Khu vực trưng bày, kho bảo quản hiện vật, hoạt động bảo quản phục chế hiện vật, phục vụ khách tham quan phải được bảo đảm yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy và các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn quốc gia liên quan.

2. Kho bảo quản hiện vật bảo tàng và khu vực hoạt động bảo quản phục chế hiện vật được bảo đảm yêu cầu sau:

a) Đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 46 Luật Di sản văn hóa và các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn quốc gia liên quan;

b) Bảo đảm an toàn khỏi sự xâm nhập vô tình của khách tham quan, trộm, cắp, phá hoại, khủng bố và các hành động phạm tội khác, với sự hỗ trợ của hệ thống cảnh báo xâm nhập trái phép;

c) Các vật liệu phục vụ bảo quản hiện vật trong kho phải bảo đảm không gây hại đến hiện vật; tường, sàn nhà và trần phải được làm bằng vật liệu bảo đảm các tiêu chuẩn về an toàn cháy theo quy định hiện hành; vật liệu sử dụng cho nội thất kho bảo quản hiện vật phải không gây cản trở đến khả năng điều tiết nhiệt độ và độ ẩm của tòa nhà, nhằm duy trì điều kiện bảo quản ổn định và không phát sinh bụi;

d) Giá, tủ hiện vật không được xếp chồng quá hai nguyên đơn theo chiều đứng, không được lưu giữ hiện vật có độ nặng vượt quá trọng tải cho phép của nhà sản xuất giá, tủ; giá, tủ hiện vật phải có độ cao hơn mặt sàn kho ít nhất là 15 cm, để bảo đảm thuận tiện cho các hoạt động bảo quản phòng ngừa; giá, tủ hiện vật và các thiết bị lưu trữ khác phải được làm bằng chất liệu không phát tán các khí có hại đến môi trường trong kho bảo quản hiện vật;

đ) Khi xây mới hoặc cải tạo không gian đã có làm kho bảo quản hiện vật phải lưu ý đến các vật liệu, chất liệu sử dụng bảo đảm việc kiểm soát môi trường bên trong kho bảo quản hiện vật;

e) Thiết kế tường kho, mái kho, cửa ra vào, cửa sổ, cầu thang của kho bảo quản phải đáp ứng các điều kiện bảo đảm an toàn hiện vật và thiết bị của kho bảo quản;

g) Có thiết bị duy trì nhiệt độ, độ ẩm phù hợp với từng loại hình hiện vật trong kho bảo quản hiện vật khi xác định môi trường kho bảo quản hiện vật không thể đáp ứng các quy định kỹ thuật nếu không có điều hòa nhiệt độ, thiết bị duy trì độ ẩm;

h) Hệ thống cấp và thoát nước được lắp đặt riêng; đường ống nước bảo đảm độ kín, không rò rỉ, không đi qua khu vực kho bảo quản; không đặt thiết bị cấp nước ở tầng trên của khu vực kho bảo quản và khu vực trưng bày.

3. Tủ trưng bày trong bảo tàng phải bảo đảm an toàn và phù hợp yêu cầu bảo quản hiện vật, được chế tạo từ vật liệu chắc chắn, kín khít chống bụi, côn trùng, cháy nổ và chống trộm; vật liệu bên trong tủ phải trung tính, không phát thải hóa chất gây hại; trong trường hợp cần thiết có thể lắp đặt có bộ kiểm soát hoặc giám sát vi khí hậu phù hợp với từng loại hiện vật. Hệ thống chiếu sáng phải dùng đèn không sinh nhiệt hay tia UV, với độ sáng (lux) theo chuẩn bảo tồn di sản văn hóa.

4. Hệ thống điện trong khu vực trưng bày, kho bảo quản hiện vật, hoạt động bảo quản phục chế hiện vật, phục vụ khách tham quan phải được bảo đảm yêu cầu sau:

a) Hệ thống điện chiếu sáng, điện phục vụ cho các thiết bị trưng bày, kho bảo quản, phục chế, phục vụ khách tham quan được lắp đặt riêng;

b) Có biện pháp đóng, ngắt điện chung cho toàn khu vực chức năng và riêng cho mỗi khu vực trưng bày, kho bảo quản hiện vật, hoạt động bảo quản phục chế hiện vật, phục vụ khách tham quan;

c) Đường cáp điện trong khu vực trưng bày, kho bảo quản hiện vật, hoạt động bảo quản phục chế hiện vật, phục vụ khách tham quan phải thực hiện theo yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn điện.

5. Khu vực phục vụ khách thăm quan bảo đảm các điều kiện an toàn cho khách tham quan như bố trí lối đi, lối thoát hiểm, biển chỉ dẫn, biển cảnh báo rõ ràng; bảo đảm an toàn vệ sinh, phòng chống dịch bệnh và cứu nạn, cứu hộ.

6. Khu vực trưng bày, kho bảo quản hiện vật, hoạt động bảo quản phục chế hiện vật, phục vụ khách tham quan phải được bảo đảm yêu cầu về kiểm soát sinh vật gây hại; hệ thống điều hoà và dụng cụ đo nhiệt độ; hệ thống hút ẩm và dụng cụ đo độ ẩm; hệ thống thông gió phù hợp với từng loại hình hiện vật được trưng bày, lưu giữ hoặc khu vực phục vụ khách tham quan.

7. Có các thiết bị, công nghệ thì phải phù hợp bảo đảm an ninh, an toàn cho hiện vật, người làm việc và khách tham quan trong bảo tàng.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Tổ chức thực hiện

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 54. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Nghị định này thay thế Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; Nghị định số 67/2022/NĐ-CP ngày 21 năm 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Điều 55. Quy định chuyển tiếp

1. Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích, quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích đã được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện cho đến hết thời hạn quy định.

2. Đối với Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích, quy hoạch di tích, điều chỉnh quy hoạch di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích đang tiến hành lập thì phải thực hiện theo quy định của Nghị định này.

3. Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập đã được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện cho đến hết thời hạn quy định./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Mai Văn Chính

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Văn bản đề nghị/Tờ trình về việc thẩm định/phê duyệt quy hoạch khảo cổ
Mẫu số 02	Văn bản đề nghị/Tờ trình về việc lấy ý kiến/phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ
Mẫu số 03	Văn bản đề nghị/Tờ trình về việc thẩm định/phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích
Mẫu số 04	Văn bản đề nghị/Tờ trình về việc thẩm định/phê duyệt quy hoạch di tích
Mẫu số 05	Văn bản đề nghị/Tờ trình về việc thẩm định/phê duyệt điều chỉnh quy hoạch di tích
Mẫu số 06	Văn bản đề nghị/Tờ trình thẩm định/phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật
Mẫu số 07	Văn bản đề nghị/Tờ trình thẩm định/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật
Mẫu số 08	Văn bản đề nghị/Tờ trình thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công
Mẫu số 09	Văn bản lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới
Mẫu số 10	Văn bản lấy ý kiến về việc việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới
Mẫu số 11	Tờ trình lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật bảo tàng công lập

Mẫu số 01

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ VĂN HÓA CẤP TỈNH **UBND TỈNH/THÀNH PHỐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…….	*……, ngày…… tháng…… năm……*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH
Về việc thẩm định/phê duyệt quy hoạch khảo cổ……..(1)

Kính gửi: Tên cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt (2)

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(1)…… Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương…… (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định/có ý kiến đối với……(1), hoặc (3)…… trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương……(2) phê duyệt……(1) với các nội dung chính sau:

I. NỘI DUNG QUY HOẠCH KHẢO CỔ

1. Tên quy hoạch khảo cổ.

2. Tổng hợp số lượng và diện tích địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Các nội dung chính của quy hoạch khảo cổ:

a) Tổng hợp các thông tin khoa học về các di tích, di vật được phát hiện tại địa điểm, khu vực khảo cổ và căn cứ khoa học về dấu hiệu của sự tồn tại di tích, di vật tại địa điểm, khu vực khảo cổ trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Tổng hợp kế hoạch thăm dò, khai quật địa điểm, khu vực khảo cổ.

c) Định hướng, giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị địa điểm, khu vực khảo cổ trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

d) Kế hoạch, phương án, nguồn lực tổng thể nghiên cứu, thăm dò, khai quật và bảo vệ, phát huy giá trị địa điểm, khu vực khảo cổ trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập. Đối với một trong những trường hợp sau:

1. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định quy hoạch khảo cổ;

b) Báo cáo thuyết minh;

c) Bản đồ số và bản đồ in;

d) Bộ ảnh màu cỡ 10 x 15 cm, chụp hiện trạng tổng thể từng địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ;

đ) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về quy hoạch khảo cổ;

e) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về quy hoạch khảo cổ.

2. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) Tờ trình phê duyệt quy hoạch khảo cổ;

b) Hồ sơ theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 1 Phần này;

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch khảo cổ.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUY HOẠCH KHẢO CỔ

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kế hoạch, thời gian thực hiện quy hoạch khảo cổ;

2. Phân công trách nhiệm thực hiện quy hoạch khảo cổ.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ VĂN HÓA CẤP TỈNH/UBND TỈNH/THÀNH PHỐ
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên quy hoạch khảo cổ.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

(3): Tên cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.

Mẫu số 02

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ VĂN HÓA CẤP TỈNH UBND TỈNH/THÀNH PHỐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…….	*……, ngày…… tháng…… năm……*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH
Về việc lấy ý kiến/phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ……..(1)

Kính gửi: Tên cơ quan lấy ý kiến/cơ quan phê duyệt (2)

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(1)…… Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương…(2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định/có ý kiến đối với……(1), hoặc (3)…… trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương……(2) phê duyệt…(1)

với các nội dung chính sau:

I. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH KHẢO CỔ

1. Tên quy hoạch khảo cổ.

2. Tổng hợp số lượng và diện tích địa điểm, khu vực điều chỉnh quy hoạch khảo cổ trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Các nội dung chính của điều chỉnh quy hoạch khảo cổ:

a) Căn cứ điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

b) Tổng hợp số lượng và diện tích địa điểm, khu vực điều chỉnh quy hoạch khảo cổ điều chỉnh trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Tổng hợp các thông tin khoa học về các di tích, di vật được phát hiện mới tại địa điểm, khu vực khảo cổ hoặc căn cứ khoa học phát sinh, phát hiện mới về dấu hiệu của sự tồn tại di tích, di vật tại địa điểm, khu vực khảo cổ;

d) Tổng hợp phương án điều chỉnh bảo vệ và phát huy giá trị địa điểm, khu vực khảo cổ;

đ) Kế hoạch, phương án, nguồn lực nghiên cứu, thăm dò, khai quật địa điểm, khu vực điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

e) Nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập. Đối với một trong những trường hợp sau:

1. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) Tờ trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

b) Báo cáo thuyết minh tổng hợp các nội dung điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

c) Bản đồ số và bản đồ in gồm: bản đồ hiện trạng phát hiện mới các địa điểm, khu vực phát hiện dấu hiệu của sự tồn tại di tích, di vật khảo cổ; bản đồ xác định phạm vi, ranh giới từng địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ được phát hiện mới hoặc điều chỉnh. Tỷ lệ bản đồ từ 1:2.000 - 1:500 hoặc tỷ lệ phù hợp;

d) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

đ) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

e) Dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

2. Hồ sơ lấy ý kiến gồm:

a) Văn bản đề nghị điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

b) Báo cáo thuyết minh tổng hợp các nội dung điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

c) Bản đồ số và bản đồ in gồm: bản đồ hiện trạng phát hiện mới các địa điểm, khu vực phát hiện dấu hiệu của sự tồn tại di tích, di vật khảo cổ; bản đồ xác định phạm vi, ranh giới từng địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ được phát hiện mới hoặc điều chỉnh. Tỷ lệ bản đồ từ 1:2.000 - 1:500 hoặc tỷ lệ phù hợp;

d) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

đ) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

e) Dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH KHẢO CỔ

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kế hoạch, thời gian thực hiện điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

2. Phân công trách nhiệm thực hiện điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ VĂN HÓA CẤP TỈNH/UBND TỈNH/THÀNH PHỐ
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên quy hoạch khảo cổ.

(2): Ghi tên cơ quan lấy ý kiến là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

(3): Tên cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.

Mẫu số 03

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…….	*..., ngày…… tháng…… năm……*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH
Về việc thẩm định/phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích…(1)

Kính gửi: (2)….. cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan tổ chức ở trung ương (2) … đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch di tích…(1) …, hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích…(1), với các nội dung chính sau:

I. NỘI DUNG NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Tên Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.

2. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch di tích và phạm vi lập quy hoạch di tích:

a) Phạm vi, ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch di tích;

b) Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch di tích.

3. Các nội dung chính của Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.

II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu

bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập. Đối với một trong những trường hợp sau:

1. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch di tích;

b) Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch di tích;

c) Báo cáo khảo sát sơ bộ khu vực dự kiến lập quy hoạch;

d) Bản đồ số và bản đồ in;

đ) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan;

e) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích;

b) Hồ sơ theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 1 Phần này;

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Văn bản thỏa thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích (trường hợp di tích phân bố trên địa bàn 02 tỉnh trở lên);

đ) Văn bản thỏa thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có di tích (trường hợp Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch);

e) Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUY HOẠCH DI TÍCH

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian lập quy hoạch di tích;

2. Tổ chức thực hiện:

a) Cơ quan phê duyệt;

b) Cơ quan thẩm định và trình duyệt;

c) Cơ quan quản lý lập quy hoạch di tích;

d) Cơ quan chủ đầu tư.

(2)….. trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích……(1).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên quy hoạch di tích.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tên cơ quan phê duyệt là Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan tổ chức ở Trung ương.

Mẫu số 04

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…….	*..., ngày…… tháng…… năm……*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH
Về việc thẩm định/phê duyệt quy hoạch di tích…(1)

Kính gửi: (2)….. cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan tổ chức ở Trung ương…(2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định quy hoạch di tích……(1); hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch di tích…(1), với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên quy hoạch.

2. Tên cơ quan tổ chức lập quy hoạch di tích.

3. Chủ đầu tư lập quy hoạch di tích.

4. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch di tích.

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Mục tiêu quy hoạch di tích.

2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch di tích:

a) Phạm vi lập quy hoạch di tích;

b) Ranh giới lập quy hoạch di tích.

3. Nội dung quy hoạch di tích:

a) Phân tích, đánh giá hiện trạng di tích và đất đai thuộc di tích:

- Tình trạng kỹ thuật, quản lý, bảo vệ di tích và môi trường tự nhiên, môi trường xã hội tác động đến di tích;

- Đặc điểm, giá trị di tích;

- Mối liên hệ với các di tích khác trong khu vực nghiên cứu.

b) Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

- Điều chỉnh, mở rộng hoặc thu hẹp khu vực bảo vệ di tích;

- Phương hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

- Danh mục công trình cần bảo quản, tu bổ, phục hồi;

- Nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

c) Định hướng quy hoạch không gian bảo tồn, phát huy giá trị di tích:

- Phân vùng chức năng;

- Định hướng tổ chức không gian, tôn tạo kiến trúc cảnh quan di tích;

- Giải pháp phát triển du lịch.

d) Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

đ) Xác định các nhóm dự án thành phần, dự án ưu tiên đầu tư:

- Các nhóm dự án thành phần

- Các nhóm dự án ưu tiên đầu tư

e) Thời gian thực hiện Quy hoạch:

- Giai đoạn 1;

- Giai đoạn 2;

…….

g) Vốn đầu tư:

- Vốn từ ngân sách trung ương;

- Vốn ngân sách địa phương;

- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

h) Giải pháp, cơ chế và nguồn lực thực hiện quy hoạch di tích:

- Giải pháp:

+ Giải pháp quản lý;

+ Giải pháp đầu tư;

+ Giải pháp phát triển nguồn nhân lực.

- Cơ chế và nguồn lực thực hiện.

4. Tổ chức thực hiện:

- Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan.

III. NỘI DUNG TIẾP THU CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP

1. Ý kiến và giải trình ý kiến góp ý của các bộ, ngành;

2. Ý kiến và giải trình ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định;

3. Ý kiến và giải trình ý kiến góp ý của cơ quan chủ trì thẩm định.

(1)….. hoặc (2)….. trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt quy hoạch di tích……(1).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên quy hoạch di tích.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tên cơ quan phê duyệt là Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hoặc bộ, ngành, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở Trung ương.

Mẫu số 05

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…….	*……, ngày…… tháng…… năm……*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH
Về việc thẩm định/phê duyệt điều chỉnh quy hoạch di tích… (1)

Kính gửi: (2)….. cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành cơ quan, tổ chức ở trung ương…(2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định điều chỉnh quy hoạch di tích…(1); hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch di tích……(1), với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Tên quy hoạch di tích.

2. Tên cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch di tích.

3. Chủ đầu tư lập điều chỉnh quy hoạch di tích.

4. Đơn vị tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch di tích.

II. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Lý do, căn cứ điều chỉnh quy hoạch di tích (nêu cụ thể lý do cần điều chỉnh, dẫn chứng căn cứ pháp lý hoặc thực tiễn nếu có).

2. Nội dung quy hoạch di tích đã được phê duyệt (Tóm tắt nội dung quy hoạch di tích đã được phê duyệt).

3. Nội dung quy hoạch di tích đề nghị điều chỉnh:

a) Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch di tích;

b) Phạm vi và ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch di tích:

Phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch di tích;

Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch di tích:

c) Phân tích, đánh giá hiện trạng di tích và đất đai thuộc di tích:

- Tình trạng kỹ thuật, quản lý, bảo vệ di tích và môi trường tự nhiên, môi trường xã hội tác động đến di tích;

- Đặc điểm, giá trị di tích;

- Mối liên hệ với các di tích khác trong khu vực nghiên cứu.

d) Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

- Điều chỉnh, mở rộng hoặc thu hẹp khu vực bảo vệ di tích;

- Phương hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

- Danh mục công trình cần bảo quản, tu bổ, phục hồi;

- Nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

đ) Định hướng quy hoạch không gian bảo tồn, phát huy giá trị di tích:

- Phân vùng chức năng;

- Định hướng tổ chức không gian, tôn tạo kiến trúc cảnh quan di tích;

- Giải pháp phát triển du lịch.

e) Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật;

g) Xác định các nhóm dự án thành phần, dự án ưu tiên đầu tư:

- Các nhóm dự án thành phần;

- Các nhóm dự án ưu tiên đầu tư;

h) Thời gian thực hiện Quy hoạch:

- Giai đoạn 1;

- Giai đoạn 2;

……

i) Vốn đầu tư:

- Vốn từ ngân sách trung ương;

- Vốn ngân sách địa phương;

- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

k) Giải pháp, cơ chế và nguồn lực thực hiện quy hoạch di tích:

- Giải pháp quản lý;

- Giải pháp đầu tư;

- Giải pháp phát triển nguồn nhân lực;

- Cơ chế và nguồn lực thực hiện.

l) Tổ chức thực hiện:

- Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan.

III. HỒ SƠ KÈM THEO

Hồ sơ quy hoạch di tích đã được phê duyệt; hoặc Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch di tích.

IV. NỘI DUNG TIẾP THU CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP

1. Ý kiến và giải trình ý kiến góp ý của các bộ, ngành;

2. Ý kiến và giải trình ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định;

3. Ý kiến và giải trình ý kiến góp ý của cơ quan chủ trì thẩm định.

(1)….. hoặc (2)….. trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt điều chỉnh quy hoạch di tích……(1).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên quy hoạch di tích.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương.

Mẫu số 06

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…….	*……, ngày…… tháng…… năm……*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH
Về việc thẩm định/phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích… (1)

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương…(2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật…(1); hoặc (3)… chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật…(1) hoặc; cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh…(2) trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương …(2) phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật…(1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

2. Địa điểm.

3. Tên chủ đầu tư và các thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).

4. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

5. Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

- Hiện trạng di tích;

- Mục tiêu;

- Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

- Đề xuất các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi và xây dựng mới;

- Phương án phát huy giá trị di tích.

6. Dự toán kinh phí thực hiện.

7. Nguồn vốn thực hiện.

8. Thời gian thực hiện.

9. Các thông tin khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi

1.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định;

b) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoặc thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích;

c) Bộ ảnh màu;

d) Thiết kế cơ sở;

đ) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích;

e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng;

g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích;

h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

1.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt;

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Mục 1.1 Phần này;

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

2. Đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

2.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định;

b) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

c) Bộ ảnh màu;

d) Thiết kế bản vẽ thi công;

đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện;

e) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng;

g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt;

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 2.1 Phần này;

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(1)….. hoặc (2)…. trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật…(1).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:…….

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hoặc chủ đầu tư.

(3): Ghi tên chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

Mẫu số 07

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…….	*……, ngày…… tháng…… năm……*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH
Về việc thẩm định/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích… (1)

Kính gửi: (2)….. cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương…(2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật …(1); hoặc chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật…(1); hoặc; (2)… cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh trình (2)… Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật… (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh.

2. Địa điểm.

3. Tên chủ đầu tư và các thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).

4. Nhà thầu lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

5. Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

- Hiện trạng di tích;

- Mục tiêu;

- Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

- Đề xuất các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi điều chỉnh và xây dựng mới;

- Phương án phát huy giá trị di tích.

6. Dự toán kinh phí thực hiện.

7. Nguồn vốn thực hiện.

8. Thời gian thực hiện.

9. Các thông tin khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Đối với điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi

1.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định;

b) Thuyết minh điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoặc thuyết minh điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích;

c) Bộ ảnh màu;

d) Thiết kế cơ sở;

đ) Dự toán kinh phí thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích;

e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng;

g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích;

h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

1.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt;

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Mục 1.1 Phần này;

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

2. Đối với điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

2.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định;

b) Thuyết minh điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

c) Bộ ảnh màu;

d) Thiết kế bản vẽ thi công;

đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện;

e) Báo cáo kết quả thẩm tra điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng;

g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt;

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 2.1 Phần này;

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(1)….. hoặc (2)…. trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật… (1).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:…….

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hoặc chủ đầu tư.

Mẫu số 08

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…….	*……, ngày…… tháng…… năm……*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH
Về việc thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công… (1)

Kính gửi: (2)… cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(3)…. trình (2)…. thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công …(1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG TU BỔ DI TÍCH

1. Tên Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.

2. Địa điểm.

3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).

4. Nhà thầu lập Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH/PHÊ DUYỆT

1. Kết quả khảo sát hiện trạng di tích.

2. Giải pháp thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

3. Kinh phí thực hiện:

a) Dự toán kinh phí thực hiện;

b) Nguồn vốn thực hiện;

c) Thời gian thực hiện;

d) Các thông tin khác (nếu có).

III. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Văn bản đề nghị thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích hoặc Tờ trình đề nghị phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

2. Bộ ảnh màu và Thiết kế bản vẽ thi công.

3. Dự toán kinh phí thực hiện; chi phí lập, thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

4. Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp trình phê duyệt).

(Tên tổ chức) trình (cơ quan thẩm định) thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (Tên thiết kế bản vẽ thi công) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:…….

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Thiết kế bản vẽ thi công.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hoặc chủ đầu tư.

(3): Ghi tên chủ đầu tư lập Thiết kế bản vẽ thi công.

Mẫu số 09

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/THÀNH PHỐ** **CHỦ ĐẦU TƯ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…… V/v lấy ý kiến đối với dự án đầu tư, xây dựng công trình nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới	*...., ngày... tháng... năm.....*

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc
Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh … (1)…

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

…(2)… đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh….(1)… có ý kiến đối với dự án đầu tư, xây dựng công trình nằm trong hoặc nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới, với các nội dung chính sau:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư:.....

- Người đại diện:..... Chức vụ (nếu có):.....

2. Thông tin về dự án:

a) Địa điểm thực hiện dự án:

- Địa điểm thực hiện:……

- Dự kiến đầu tư, xây dựng công trình nằm trong khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích……(3)…, hoặc dự kiến đầu tư, xây dựng công trình nằm ngoài khu vực

khoanh vùng bảo vệ di tích….(3)…, đã được xếp hạng, công nhận là di sản thế giới/di tích quốc gia đặc biệt/di tích quốc gia/di tích cấp tỉnh;

b) Hồ sơ dự án:

Gửi kèm theo văn bản này hồ sơ dự án theo quy định tại Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh ...(1)… có ý kiến.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ
CHỦ ĐẦU TƯ
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

(1): Ghi tên cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.

(2): Ghi tên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc chủ đầu tư dự án.

(3): Ghi tên di tích.

Mẫu số 10

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ (1) **TỔ CHỨC CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG NHÀ Ở RIÊNG LẺ** (2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…….. V/v sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới	*……, ngày… tháng… năm…….*

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh … (3) …

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

…(1)… hoặc (2)… đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh …(3)… có ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong hoặc nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới, với các nội dung chính sau:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (hoặc tên chủ hộ):.....

- Người đại diện (nếu có):.....

- Mã định danh cá nhân/thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước: Số…….. ngày cấp …../…../….. nơi cấp.....

2. Thông tin công trình:

a) Địa điểm sửa chữa, cải tạo, xây dựng:

- Địa điểm:…….....

- Dự kiến sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích…(4)… hoặc dự kiến xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực

bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới…(4)…, đã được xếp hạng, công nhận là di sản thế giới/di tích quốc gia đặc biệt/di tích quốc gia/di tích cấp tỉnh.

b) Hồ sơ sửa chữa, cải tạo, xây dựng:

Gửi kèm theo văn bản này hồ sơ sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ theo quy định tại Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

Đề nghị…..(3)… có ý kiến.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
TỔ CHỨC CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG NHÀ Ở RIÊNG LẺ
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

(1): Ghi tên chủ đầu tư.

(2): Ghi tên tổ chức cấp giấy phép xây dựng.

(3): Ghi tên cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.

(4): Ghi tên di tích.

Mẫu số 11

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…….	*……, ngày…… tháng…… năm……*

TỜ TRÌNH

Lấy ý kiến về đề cương trưng bày của bảo tàng công lập/ dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật/trưng bày bảo tàng công lập

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến với đề cương trưng bày của bảo tàng công lập/dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật/trưng bày của (Tên bảo tàng công lập) với các nội dung chính sau:

1. Tên bảo tàng:……...

2. Thành phần hồ sơ:

Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập đối với nội dung lấy ý kiến đối với đề cương trưng bày; theo quy định tại khoản 2 Điều 47 đối với nội dung lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

3. Tổ chức thực hiện:

a) Thời gian thực hiện:.....

b) Phân công trách nhiệm:

- Cơ quan phê duyệt:.....

- Cơ quan chủ đầu tư:.....……

(Tên tổ chức) trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, có ý kiến …….

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn